

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Phước là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2015/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2015 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích M; cư trú tại: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Anh Q; cư trú tại: USA; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2015 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Bích M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và Anh Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ngày 04/12/2008, có tự nguyện, tìm hiểu. Sau khi kết hôn Anh Q, chị M chung sống tại tỉnh Bình Định được 03 tháng thì Anh Q về Hoa kỳ. Năm 2011 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân Anh Q không làm thủ tục bảo lãnh chị sang

đoàn tụ với anh và từ đó đến nay không liên lạc với chị nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh Q.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo đơn yêu cầu ngày 29 tháng 4 năm 2017 về việc xin xét xử vắng mặt vụ án ly hôn bị đơn anh Bùi Anh Q trình bày:

Anh Bùi Anh Q thống nhất như lời khai của chị Phạm Thị Bích M, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cho anh được ly hôn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và Anh Q đăng ký kết hôn vào năm 2008, có tự nguyện, tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống được 03 tháng thì Anh Q về Hoa Kỳ. Năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh Q không bảo lãnh chị M sang Hoa Kỳ để đoàn tụ và từ đó đến nay Anh Q không liên lạc và không có trách nhiệm gì với chị M. Như vậy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với Anh Q và Anh Q cũng đồng ý ly hôn là phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì chị M phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5] Theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì chị M phải chịu 150.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích M được ly hôn anh Bùi Anh Q.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Bích M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07751 ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, chị M đã nộp xong.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Phạm Thị Bích M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 150.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai thu số 07750 ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bích M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bùi Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường